

Số: 341/BC-UBND

Cà Mau, ngày 24 tháng 11 năm 2021

HỎA TỐC

BÁO CÁO

Đánh giá định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017 và xây dựng định mức chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025

Thực hiện quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng định mức chi thường xuyên cho các ngành, các cấp và đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2017. Qua tổng kết 05 năm thực hiện thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020 và được kéo dài đến năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh có đánh giá như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 2083/QĐ-UBND NGÀY 08/12/2016 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT SỐ 03/2016/NQ-HĐND)

1. Đánh giá chung kết quả đạt được

- Định mức phân bổ chi thường xuyên theo quyết định số 2083/QĐ-UBND là căn cứ quan trọng để xây dựng định mức chi thường xuyên năm 2017 (năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020, kéo dài sang năm 2021); là căn cứ để cấp thẩm quyền quyết định số bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp huyện theo quy định của Luật NSNN.

- Phân bổ ngân sách theo Quyết định số 2083/QĐ-UBND cơ bản đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối NSNN, ngân sách tỉnh và ngân sách cấp huyện; thực hiện được các chủ trương của Đảng, chế độ, chính sách đáp ứng cơ bản nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đồng thời, định mức đã có hệ số ưu tiên mức chi cao hơn cho những đơn vị có biên chế ít, đã xác định rõ những nhiệm vụ chi trong định mức (tiền lương, các khoản phụ cấp, kinh phí đảm bảo hoạt động thường xuyên...). Đối với nhiệm vụ chi không thường xuyên (chương trình mục tiêu quốc gia, vốn đối ứng, mua sắm tài sản cố định, sửa chữa lớn nâng cấp cơ sở vật chất...) và nhiệm vụ đặc thù riêng của từng Sở, ban, ngành cấp tỉnh được cấp bổ sung theo nhiệm vụ công việc được cấp thẩm quyền giao.

- Định mức phân bổ chi quản lý hành chính theo Quyết định số 2083/QĐ-UBND là căn cứ vào biên chế được cấp có thẩm quyền giao, phù hợp Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ

quan nhà nước và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 130/2005/NĐ-CP.

- Việc xây dựng tiêu chí phân bổ ngân sách đối với địa phương cơ bản theo tiêu chí dân số và học sinh (có chia ra 2 vùng thành thị và nông thôn); các tiêu chí bổ sung được đánh giá là cụ thể, rõ ràng, đơn giản, dễ thực hiện, dễ kiểm tra và đảm bảo tính công bằng, hợp lý giữa các địa phương.

- Tăng tính công khai, minh bạch trong phân bổ, sử dụng NSNN.

2. Đánh giá cụ thể tình hình thực hiện Quyết định số 2083/QĐ-UBND

a) Những ưu điểm

- Phân bổ ngân sách cho các huyện, thành phố Cà Mau và các xã, phường, thị trấn cơ bản theo tiêu chí dân số, học sinh, địa bàn hành chính theo đơn vị thực hiện Chương trình 135 vùng sâu, vùng có người dân tộc khó khăn tương đối hợp lý và công bằng, công khai trong phân bổ ngân sách hàng năm của tỉnh, hạn chế phát sinh tình trạng xin - cho trong quản lý, điều hành ngân sách của các cấp, phù hợp với tình hình thực tế cụ thể như sau:

+ Sự nghiệp giáo dục: Nhiệm vụ chi sự nghiệp giáo dục vùng nông thôn cao hơn đô thị. Chi sự nghiệp giáo dục với cơ cấu 82% kinh phí chi cho con người (bao gồm lương và các khoản có tính chất lương), còn lại hoạt động 18% (áp dụng năm 2017, năm đầu thời kỳ ổn định). Ngoài ra, bố trí thêm cho sự nghiệp giáo dục của cấp tỉnh 8% và cấp huyện 6% trong dự toán năm 2017 và năm 2018 để tạo nguồn thực hiện các nhiệm vụ chi: Chi hoạt động tăng thêm so với định mức chuẩn cho các trường chuyên, trường dân tộc nội trú, trường nuôi dạy trẻ khuyết tật theo quy định của cấp có thẩm quyền và các nhiệm vụ chi giáo dục khác; đảm bảo kinh phí hoạt động tối thiểu bằng 18% tổng kinh phí thực hiện đúng theo lớp chuẩn, hệ số giáo viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo mà quỹ lương và các khoản có tính chất như lương vượt quá 82% tổng kinh phí theo quy định; chi lương và các khoản có tính chất như lương đối với giáo viên dôi dư; hỗ trợ mua bảo hiểm y tế cho học sinh theo quy định và một số nhiệm vụ chi phát sinh khác thuộc sự nghiệp giáo dục, góp phần đưa sự nghiệp giáo dục của tỉnh Cà Mau ngày càng phát triển.

+ Đối với sự nghiệp y tế: Nhiệm vụ chi sự nghiệp y tế được cân đối theo dân số cho nhiệm vụ chi phòng, chống bệnh dịch, dân số kế hoạch hóa gia đình và hoạt động y tế xã; phân bổ định mức chi khám, chữa bệnh theo giường bệnh đối với các bệnh viện, phòng khám đa khoa khu vực. Ngoài ra, còn bổ sung thực hiện những khoản kinh phí khám chữa bệnh cho người nghèo, cận nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi theo Chương trình mục tiêu của Chính phủ.

+ Định mức chi quản lý hành chính Nhà nước, Đảng, Đoàn thể của cấp huyện và cấp xã được phân bổ theo tiêu chí biên chế. Đồng thời, hàng năm có xem xét bổ sung thêm nguồn lương.

- Đối với lĩnh vực đảm bảo xã hội được phân bổ theo tiêu chí dân số. Bên cạnh đó, hàng năm còn bổ sung cho các mục tiêu khác như: các đối tượng được hưởng theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/01/2013 của Chính phủ về

chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội, bảo hiểm y tế cho người cao tuổi; mai táng phí Cựu chiến binh; bảo hiểm y tế thanh niên xung phong; bảo hiểm y tế, mai táng phí theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngân sách tỉnh sẽ chi theo thực tế; chi cứu trợ thiên tai, hỏa hoạn.

b) Tôn tại và các kiến nghị của các đơn vị

- Định mức phân bổ sự nghiệp kinh tế: Định mức phân bổ tính theo tỷ lệ % chi thường xuyên trên tổng các lĩnh vực theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND. Trong đó: Cấp tỉnh 15%, cấp huyện 5%, cấp xã 4%. Đồng thời, cấp huyện, cấp xã được bổ sung thêm kinh phí theo định mức đô thị Loại II, III, IV, V theo quy định tại Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg. Tuy nhiên, các huyện, thành phố đề nghị tăng tỷ lệ % cho lĩnh vực này, để đảm bảo nhiệm vụ chi phát triển kinh tế, hạ tầng.

- Định mức phân bổ sự nghiệp giáo dục: Nghị quyết 03/2016/NQ-HĐND xây dựng định mức phân bổ đảm bảo tiền lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao (kể cả hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế), bao gồm: Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương, được các đơn vị địa phương đánh giá là hợp lý; phân bổ chi sự nghiệp giáo dục được tính trên cơ sở tiêu chí học sinh là phù hợp đối với địa phương. Tuy nhiên, một số điểm trường ở nông thôn có số học sinh ít không đủ số lượng để bố trí lớp học theo mức chuẩn nhưng phải bố trí đủ giáo viên dạy theo quy định, dẫn đến kinh phí hoạt động không đảm bảo.

- Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề: Định mức phân bổ theo tiêu chí loại huyện, loại xã theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND được các địa phương đồng tình cao và đánh giá là phù hợp. Tuy nhiên, địa phương đề nghị tăng tỷ lệ định mức phân bổ sự nghiệp này để đảm bảo nhu cầu đào tạo, dạy nghề trong giai đoạn 2022 - 2025.

- Chi sự nghiệp y tế: Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp y tế theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND được thể hiện đầy đủ, rõ ràng cho từng tiêu chí, từng cấp ngân sách theo nhiệm vụ chi; đảm bảo tính công khai, minh bạch trong phân bổ NSNN; cơ bản đáp ứng được nhu cầu chi của sự nghiệp; nguồn thu được để lại thực hiện nhiệm vụ chi cải cách tiền lương được quy định rõ ràng, đảm bảo theo lộ trình cải cách tiền lương của Chính phủ; các chế độ, chính sách có phát sinh trong thời kỳ ổn định cũng được cấp bổ sung, đảm bảo chi trả kịp thời, đúng đối tượng.

Về phương thức phân bổ nhiệm vụ chi: Qua tổng hợp ngành Y tế cơ bản vẫn đồng tình với phương thức phân bổ theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND.

Về định mức phân bổ:

+ Nhìn chung định mức phân bổ vẫn chưa đảm bảo cho các hoạt động của sự nghiệp, đặc biệt là sự nghiệp ở tuyến Y tế cơ sở do nguồn thu sự nghiệp không đảm bảo và không ổn định đã làm ảnh hưởng đến hoạt động của động các cơ sở này, nên đã qua ngân sách còn phải cấp bù thì mới đảm bảo hoạt động trong quá trình điều hành của tuyến y tế cơ sở.

+ Do nguồn thu từ khám, chữa bệnh của các Bệnh viện đa khoa khu vực và các trung tâm y tế huyện chưa bền vững, nên đã qua không đảm bảo tự cân đối được như định mức theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND.

+ Trong phân bổ dự toán chi sự nghiệp y tế đã xác định giảm kinh phí NSNN hỗ trợ chi thường xuyên đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập làm nhiệm vụ khám, chữa bệnh theo lộ trình kết cấu các khoản chi trong giá dịch vụ khám, chữa bệnh và tăng khả năng tự đảm bảo chi thường xuyên từ nguồn thu sự nghiệp của từng đơn vị (ngân sách vẫn giảm cấp theo lộ trình trên cơ sở dự toán nguồn thu, tuy nhiên nếu không đảm bảo hoạt động thì đơn vị phải trình cấp có thẩm quyền xem xét hỗ trợ từ NSNN nguồn giảm cấp đó, để hoạt động theo nhiệm vụ của ngành). Từ năm 2020 đến nay, tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến ngày càng phức tạp, khó lường nên các khoản thu dịch vụ khám, chữa bệnh đều giảm nên việc giảm thu từ dịch vụ khám, chữa bệnh đã làm ảnh hưởng đến công tác quản lý, điều hành của đơn vị.

- Định mức phân bổ sự nghiệp khoa học và công nghệ:

+ Về phương thức phân bổ nhiệm vụ chi: Các địa phương cơ bản vẫn đồng tình với phương thức phân bổ theo tiêu chí loại huyện theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND.

+ Về định mức phân bổ: Một số huyện cho rằng định mức được giao theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND còn thấp, không đảm bảo cho công tác ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ và nhân rộng các mô hình áp dụng tiến bộ kỹ thuật. Đặc biệt, trong giai đoạn mới, thực hiện hội nhập quốc tế sâu, rộng trên mọi lĩnh vực thì việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất được đẩy mạnh nhằm tiếp cận phương thức sản xuất mới, cơ giới hóa, tự động hóa, thân thiện với môi trường nhằm nâng cao chuỗi giá trị các sản phẩm địa phương có thể mạnh. Do đó, các địa phương kiến nghị tăng định mức phân bổ để đảm bảo nhiệm vụ chi sự nghiệp khoa học và công nghệ.

- Định mức phân bổ sự nghiệp môi trường:

+ Về phương thức phân bổ nhiệm vụ chi: Phương thức phân bổ theo tiêu chí loại huyện. Qua tổng hợp báo cáo của các địa phương cơ bản vẫn đồng tình theo phương thức phân bổ theo tiêu chí loại huyện Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND.

+ Về tỷ lệ định mức phân bổ: Các huyện kiến nghị tăng định mức phân bổ cho cấp huyện và cấp xã để đảm bảo công tác thu gom rác, chuẩn bị các bãi tập kết rác để chuyên đi xử lý. Bên cạnh đó, các địa phương đề nghị xem xét bổ sung thêm kinh phí sự nghiệp môi trường đối với các xã có chợ, xã nông thôn mới và một số nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy rừng...

- Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa thông tin: Về phương thức phân bổ nhiệm vụ chi: Phương thức phân bổ theo tiêu chí loại huyện, loại xã. Qua tổng hợp báo cáo của các địa phương cơ bản vẫn đồng tình theo phương thức phân bổ theo tiêu chí loại huyện Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND.

- Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục, thể thao:

+ Về phương thức phân bổ nhiệm vụ chi: Phương thức phân bổ theo tiêu chí loại huyện, loại xã. Qua tổng hợp báo cáo của các địa phương cơ bản vẫn đồng tình theo phương thức phân bổ theo tiêu chí loại huyện Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND.

+ Về tỷ lệ định mức phân bổ: Qua tổng hợp, các địa phương đề nghị xem xét lại định mức cũ vì hàng năm cấp huyện phải tham gia các chương trình, kế hoạch do tỉnh tổ chức nên cấp huyện không đảm bảo kinh phí. Bên cạnh đó, định mức phân bổ cho cấp xã thấp, hàng năm chỉ đủ để tổ chức 01 sự kiện thể dục, thể thao để chào mừng các ngày lễ lớn trong năm, không đủ kinh phí để tham gia các sự kiện do tỉnh hoặc địa phương khác tổ chức; vì vậy, các địa phương kiến nghị tăng định mức phân bổ cho cấp huyện, cấp xã.

- Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình:

+ Về phương thức phân bổ nhiệm vụ chi: Phương thức phân bổ theo tiêu chí loại huyện, loại xã. Qua tổng hợp báo cáo của các địa phương cơ bản vẫn đồng tình theo phương thức phân bổ theo tiêu chí loại huyện, loại xã theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND.

+ Về tỷ lệ định mức phân bổ: Qua tổng hợp, các địa phương đề nghị xem xét lại định mức cũ vì hàng năm cấp huyện, cấp xã phải trang bị đầy đủ hệ thống thiết bị phát thanh để thông tin rộng rãi những chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước đến tận người dân. Ngoài ra, xã, thị trấn phải trực xuyên suốt để tiếp và phát sóng với thời lượng quy định, đây là những khoản chi thật sự cần thiết nhất là các xã nông thôn mới. Vì vậy, các địa phương kiến nghị tăng định mức phân bổ cho cấp huyện, cấp xã.

- Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội:

+ Về phương thức phân bổ nhiệm vụ chi: Phương thức phân bổ theo tiêu chí loại huyện, loại xã. Qua tổng hợp báo cáo của các địa phương cơ bản vẫn đồng tình theo phương thức phân bổ theo tiêu chí loại huyện, loại xã theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND.

+ Về tỷ lệ định mức phân bổ: Các địa phương phản ánh định mức chi còn thấp. Hiện nay, trước tình hình dịch bệnh, thiên tai diễn biến phức tạp, đặc biệt là dịch COVID-19 đã ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của nhân dân. Từ đó hàng năm ngân sách phải chi hỗ trợ cho đối tượng trên là rất lớn. Ngoài ra các đối tượng thuộc diện chính sách huyện phải đảm đương như: Các đối tượng chính sách tham quan, nghỉ dưỡng tập trung tại Đà Lạt, Hà Nội; chi thực hiện tháng hành động vì trẻ em, diễn đàn trẻ em, công tác bình đẳng giới, chi tập huấn rà soát hộ nghèo, cận nghèo, quà lễ 27/7...

Bên cạnh đó, nguồn chi này hàng năm ngân sách xã còn phải bố trí để hỗ trợ thiên tai, dịch bệnh; chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ và biểu dương, khen thưởng người cao tuổi theo quy định tại Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 02/04/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh

quy định mức chi tặng quà chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Vì vậy định mức phân bổ tạo nguồn chi đảm bảo xã hội cấp xã không đảm bảo. Kiến nghị tăng định mức chi này cho phù hợp với tình hình thực tế; đối với kinh phí chúc thọ, mừng thọ và tặng quà người cao tuổi theo Nghị quyết 03/2019/NQ-HĐND ngày 02/4/20219 của Hội đồng nhân dân tỉnh không đưa vào định mức phân bổ mà xem xét bổ sung kinh phí hằng năm theo thực tế để địa phương thực hiện.

- Định mức phân bổ chi quản lý hành chính:

+ Về phương thức phân bổ nhiệm vụ chi: Qua tổng hợp báo cáo của các địa phương cơ bản vẫn đồng tình với phương thức khoán trên chỉ tiêu biên chế được giao theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND.

+ Về tỷ lệ định mức phân bổ: Các đơn vị cấp tỉnh và các địa phương kiến nghị tăng định mức phân bổ theo chỉ tiêu biên chế vì trong những năm qua trình độ đào tạo của cán bộ, công chức không ngừng được nâng lên, hệ số lương trung bình khá cao; bên cạnh đó, định mức phân bổ chưa kể đến các yếu tố trượt giá theo thời gian vì vậy các đơn vị, địa phương gặp khó khăn về kinh phí hoạt động trong những năm cuối của thời kỳ ổn định. Đồng thời, định mức phân bổ chi hành chính khoán theo chỉ tiêu biên chế không đảm bảo chi chế độ theo quy định Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Do đó, các đơn vị, địa phương đề nghị tăng định mức phân bổ khoán theo chỉ tiêu biên chế.

- Định mức phân bổ chi quốc phòng:

+ Về phương thức phân bổ nhiệm vụ chi: Địa phương cơ bản vẫn đồng tình phương thức phân bổ cho cấp huyện theo tiêu chí loại huyện và phân bổ cho cấp xã theo tiêu chí loại xã theo Nghị quyết 03/2016/NQ-HĐND. Tuy nhiên, riêng với công tác huấn luyện thì các địa phương đề nghị kinh phí huấn luyện giao dựa theo chỉ tiêu quân số được cấp thẩm quyền giao hằng năm.

+ Về tỷ lệ định mức phân bổ: Địa phương kiến nghị định mức chi quốc phòng cho cấp huyện, cấp xã tăng lên để đảm bảo công tác quốc phòng trong thời gian tới, vì hàng năm huyện phải sử dụng ngân sách huyện để hỗ trợ công tác huấn luyện, diễn tập, kinh phí phối hợp 03 lực lượng Công an, Quân sự và Biên phòng.

- Định mức phân bổ chi an ninh:

+ Về phương thức phân bổ nhiệm vụ chi: Địa phương cơ bản vẫn đồng tình phương thức phân bổ cho cấp huyện theo tiêu chí loại huyện và phân bổ cho cấp xã theo tiêu chí loại xã theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND.

+ Về tỷ lệ định mức phân bổ: Địa phương kiến nghị tăng định mức ở lĩnh vực này cho cấp huyện, cấp xã vì hàng năm các huyện, các xã phải hỗ trợ thêm cho lĩnh vực này rất nhiều.

- Định mức phân bổ chi khác ngân sách: Được phân bổ 1% chi thường xuyên cho các cấp ngân sách là phù hợp theo quy định.

II. XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NĂM 2022 TỈNH CÀ MAU (THỜI KỲ ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH 2022 - 2025)

1. Phương pháp xác định một số tiêu chí, căn cứ xây dựng định mức phân bổ ngân sách

a) Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế

Trên cơ sở kế thừa định mức theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND, dự kiến định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế như sau:

- Cấp tỉnh:

Phân bổ kinh phí chi sự nghiệp kinh tế cấp tỉnh đảm bảo các nhiệm vụ chi sự nghiệp kinh tế cấp tỉnh được cơ quan có thẩm quyền quyết định (chưa bao gồm nguồn kinh phí sử dụng giá dịch vụ, sản phẩm công ích thủy lợi; nguồn kinh phí quản lý, sử dụng đất trồng lúa,... do ngân sách Trung ương hỗ trợ).

- Cấp huyện:

+ Phân bổ bằng 5% chi thường xuyên dựa trên tổng các lĩnh vực chi tại các điểm b, c, đ, e, g, h, i, k, l, m, n nêu tại Mục này.

+ Đối với đô thị phân bổ thêm như sau: loại I định mức phân bổ 140.000 triệu đồng/năm; đô thị loại II định mức phân bổ 85.000 triệu đồng/năm; đô thị loại III định mức phân bổ 24.000 triệu đồng/năm; đô thị loại IV định mức phân bổ 17.000 triệu đồng/năm theo Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg.

- Cấp xã:

+ Phân bổ bằng 5% chi thường xuyên dựa trên tổng các lĩnh vực chi tại các điểm c, e, g, h, i, k, l, m, n nêu tại Mục này;

+ Đô thị loại V định mức phân bổ 8.500 triệu đồng/năm theo Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg.

b) Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục

Trên cơ sở kế thừa định mức theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND, dự kiến định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục như sau:

- Định mức phân bổ đảm bảo tiền lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao (kể cả hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế), bao gồm: Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương.

- Định mức phân bổ chi hoạt động theo tiêu chí học sinh; trong đó, ưu tiên đối với các khu vực nông thôn, cụ thể như sau:

Loại hình giáo dục	Định mức phân bổ năm 2017 (đồng/học sinh/năm)		Định mức phân bổ năm 2022 (đồng/học sinh/năm)		Tốc độ tăng định mức năm 2022 so với định mức năm 2017 (lần)	
	Đô thị (định mức chuẩn)	Nông thôn	Đô thị (định mức chuẩn)	Nông thôn	Đô thị	Nông thôn
Trung học phổ thông	810.000	970.000	1.134.000	1.358.000	1,4	1,4
Trung học cơ sở	800.000	920.000	1.120.000	1.288.000	1,4	1,4
Tiểu học	850.000	880.000	1.190.000	1.232.000	1,4	1,4
Mẫu giáo	1.000.000	1.300.000	1.400.000	1.820.000	1,4	1,4
Nhà trẻ	1.300.000	1.450.000	1.820.000	2.030.000	1,4	1,4

- Ngoài ra bố trí tăng thêm sự nghiệp giáo dục của cấp tỉnh 10% trên tổng chi hoạt động theo tiêu chí học sinh để tạo nguồn thực hiện các nhiệm vụ chi: Chi hoạt động tăng thêm so với định mức chuẩn cho các trường chuyên, trường dân tộc nội trú, Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập theo quy định của cấp có thẩm quyền; trường hợp áp dụng định mức này mà kinh phí hoạt động của các trường chuyên, trường dân tộc nội trú, Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thấp hơn 18% tổng chi thì bổ sung hoạt động đủ 18%, lương và các khoản trích theo lương tối đa bằng 82%.

- Định mức phân bổ đối với hợp đồng theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ.

- + Địa bàn thuộc vùng II khoán với định mức 65.000.000 đồng/định suất/năm;
- + Địa bàn thuộc vùng III khoán với định mức 60.000.000 đồng/định suất/năm;
- + Địa bàn thuộc vùng IV khoán với định mức 55.000.000 đồng/định suất/năm;
- + Riêng Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập với định mức 90.000.000 đồng/định suất/năm.

- Từ năm học 2022 - 2023 trở đi, nguồn thu học phí theo mức thu quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2021 - 2022 đến năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh Cà Mau, sau khi trích bổ sung nguồn cải cách tiền lương theo quy định, số thu học phí còn lại đơn vị được sử dụng theo nguyên tắc 50% chi cho công tác sửa chữa cơ sở vật chất, 50% chi cho hoạt động thường xuyên của đơn vị.

- Đối với các nhiệm vụ thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non; hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật; hỗ trợ học sinh phổ thông trung học vùng đặc biệt khó khăn; hỗ trợ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và hỗ trợ sữa tươi cải thiện dinh dưỡng cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn theo Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 09/10/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh được xác định trên cơ sở đối tượng thực tế, mức hỗ trợ theo quy định.

c) Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

- Định mức phân bổ cho cấp tỉnh theo tiêu chí dân số: 80.000 đồng/người dân/năm.

- Trường cao đẳng và trung cấp được phân bổ định mức chi cụ thể như sau: Cao đẳng chính quy: 8.000.000 đồng/sinh viên/năm; Trung cấp chuyên nghiệp chính quy: 7.300.000 đồng/học viên/năm; Trung cấp nghề chính quy: 7.300.000 đồng/học viên/năm; sơ cấp: 6.300.000 đồng/học viên/năm. Trường hợp áp dụng định mức nêu trên mà kinh phí hoạt động thấp hơn 15% so với tổng chi thì được bổ sung đủ 15%; đảm bảo quỹ lương và các khoản có tính chất lương tối đa bằng 85% tổng chi.

- Định mức phân bổ đối với hợp đồng theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP:

+ Địa bàn thuộc vùng II khoán với định mức 65.000.000 đồng/định suất/năm;

+ Địa bàn thuộc vùng III khoán với định mức 60.000.000 đồng/định suất/năm;

+ Địa bàn thuộc vùng IV khoán với định mức 55.000.000 đồng/định suất/năm.

- Định mức phân bổ cho cấp huyện, theo loại huyện:

Đơn vị tính: Đồng/huyện/năm.

Loại huyện	Định mức phân bổ năm 2017		Định mức phân bổ năm 2022		Tốc độ tăng định mức năm 2022 so với định mức năm 2017 (lần)
	Định mức	Hệ số	Định mức	Hệ số	
Loại 1	3.200.000.000	1	3.200.000.000	1	1
Loại 2	2.880.000.000	0,9	2.880.000.000	0,9	1
Loại 3	2.560.000.000	0,8	2.560.000.000	0,8	1

- Định mức phân bổ cho cấp xã, theo loại xã:

Đơn vị tính: Đồng/xã/năm.

Loại xã	Định mức phân bổ năm 2017		Định mức phân bổ năm 2022		Tốc độ tăng định mức năm 2022 so với định mức năm 2017 (lần)
	Định mức	Hệ số	Định mức	Hệ số	
Loại 1	140.000.000	1	168.000.000	1	1,2
Loại 2	120.000.000	0,86	144.000.000	0,86	1,2
Loại 3	100.000.000	0,71	120.000.000	0,71	1,2
Giáo dục cộng đồng tại xã	48.000.000	0,34	58.000.000	0,34	1,2

- Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo, dạy nghề nêu trên bao gồm: Các loại hình đào tạo, dạy nghề, giáo dục cộng đồng, trường chính trị tỉnh, trung tâm chính trị cấp huyện và dạy nghề khác theo quy định của pháp luật.

d) Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế

Định mức được xác định trên cơ sở kế thừa định mức phân bổ Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND, cụ thể như sau:

- Định mức phân bổ cho các đơn vị sự nghiệp y tế (không kể khối khám, chữa bệnh)

+ Định mức phân bổ đảm bảo tiền lương theo biên chế cấp thẩm quyền giao: Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương;

+ Định mức phân bổ hợp đồng theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP (bao gồm tiền công, các khoản trích theo tiền công và kinh phí hoạt động) định mức phân bổ theo định suất được giao: 90.000.000 đồng/định suất/năm;

+ Kinh phí hoạt động: Thực hiện cân đối từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị. Trường hợp kinh phí hoạt động từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị thấp hơn 15% so với tổng chi thì được ngân sách bổ sung đủ 15%, đảm bảo theo cơ cấu quỹ lương và các khoản có tính chất lương tối đa bằng 85% của tổng chi.

- Định mức phân bổ cho khám, chữa bệnh theo tiêu chí giường bệnh:

+ Bệnh viện hạng II: 16.000.000 đồng/giường bệnh/năm;

+ Bệnh viện hạng III (tuyến tỉnh): 24.000.000 đồng/giường bệnh/năm;

+ Bệnh viện hạng III (các cơ sở khám, chữa bệnh tuyến huyện, bao gồm cả Bệnh viện Y học Cổ truyền): 32.000.000 đồng/giường bệnh/năm;

+ Phòng khám đa khoa, phòng khám đa khoa khu vực: 40.000.000 đồng/giường bệnh/năm;

+ Định mức giường bệnh được tính trên cơ sở giảm cấp ngân sách nhà nước cho các khoản chi phí chưa được kết cấu vào giá thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của cấp có thẩm quyền;

+ Trường hợp giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tính đủ các chi phí theo quy định của pháp luật về giá theo quy định cấp thẩm quyền, sẽ thực hiện điều chỉnh giảm cấp ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

- Định mức phân bổ cho y tế xã:

+ Định mức phân bổ đảm bảo tiền lương theo biên chế cấp thẩm quyền giao (kể cả hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế): Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương;

+ Định mức phân bổ chi hoạt động theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao là 22.000.000 đồng/biên chế/năm;

+ Khoản chi phụ cấp cho 02 cán bộ y tế áp thực hiện theo Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11/05/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản và phụ cấp ưu đãi theo Thông tư liên tịch số 02/2012/TTLT-BYT-BNV-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập.

- Định mức đảm bảo nhiệm vụ cho công tác phòng bệnh, dân số kế hoạch hóa gia đình, dự phòng và y tế khác từ cấp tỉnh cho đến tuyến y tế cơ sở:

+ Chi cho công tác phòng bệnh: Tuyển tỉnh là 4.000 đồng/người dân/năm; tuyển huyện là 7.000 đồng/người dân/năm;

+ Chi cho công tác dân số kế hoạch hóa gia đình: Tuyển tỉnh là 2.000 đồng/người dân/năm; tuyển huyện là 5.000 đồng/người dân/năm;

+ Chi các hoạt động dự phòng; các lĩnh vực phong, lao, tâm thần và các lĩnh vực khác theo quy định: tuyển tỉnh là 3.000 đồng/người dân/năm; tuyển huyện là 6.000 đồng/người dân/năm.

- Chi chế độ chính sách đối với cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình theo quyết định của cấp thẩm quyền.

- Ngân sách nhà nước đóng hoặc hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế và chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế do địa phương ban hành dựa trên số lượng thực tế.

đ) Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học - công nghệ

- Cấp tỉnh: Phân bổ kinh phí chi sự nghiệp khoa học - công nghệ cấp tỉnh, căn cứ nhiệm vụ được giao theo quyết định của cấp có thẩm quyền (không bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương).

- Cấp huyện: Kế thừa định mức phân bổ theo Nghị quyết số 03/2016/NĐ-CP. Dự kiến định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học - công nghệ, theo loại huyện như sau:

Đơn vị tính: đồng/huyện/năm.

Loại huyện	Định mức phân bổ năm 2017		Định mức phân bổ năm 2022		Tốc độ tăng định mức năm 2022 so với định mức năm 2017 (lần)
	Định mức	Hệ số	Định mức	Hệ số	
Loại 1	700.000.000	1	840.000.000	1	1,2
Loại 2	658.000.000	0,94	789.600.000	0,94	1,2
Loại 3	616.000.000	0,88	739.200.000	0,88	1,2

e) Định mức phân bổ chi sự nghiệp hoạt động môi trường

- Cấp tỉnh: Phân bổ kinh phí chi sự nghiệp bảo vệ môi trường cấp tỉnh, căn cứ nhiệm vụ được giao theo quyết định của cấp có thẩm quyền (không bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương).

- Cấp huyện: Tiếp tục kế thừa định mức phân bổ theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND. Dự kiến định mức phân bổ chi sự nghiệp hoạt động môi trường như sau:

+ Định mức phân bổ cho cấp huyện, theo loại huyện:

Đơn vị tính: Đồng/huyện/năm.

Loại huyện	Định mức phân bổ năm 2017		Định mức phân bổ năm 2022		Tốc độ tăng định mức năm 2017 so với định mức năm 2011(lần)
	Định mức	Hệ số	Định mức	Hệ số	
Loại 1	2.040.000.000	1	2.448.000.000	1	1,2
Loại 2	1.870.000.000	0,92	2.244.000.000	0,92	1,2
Loại 3	1.700.000.000	0,83	2.040.000.000	0,83	1,2

+ Định mức phân bổ cho xã, theo loại xã:

Đơn vị tính: Đồng/xã/năm.

Loại xã	Định mức phân bổ năm 2017		Định mức phân bổ năm 2022		Tốc độ tăng định mức năm 2022 so với định mức năm 2017 (lần)
	Định mức	Hệ số	Định mức	Hệ số	
Loại 1	37.400.000	1	44.880.000	1	1,2
Loại 2	34.000.000	0,91	37.200.000	0,91	1,2
Loại 3	30.600.000	0,82	36.720.000	0,82	1,2

+ Phân bổ kinh phí cho các huyện, thành phố Cà Mau để thực hiện vận chuyển, xử lý rác thải theo số liệu thống kê đến tháng 10 của năm trước năm dự toán.

g) Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin

- Cấp tỉnh: Phân bổ kinh phí chi sự nghiệp văn hóa thông tin cấp tỉnh, căn cứ nhiệm vụ được giao theo quyết định của cấp có thẩm quyền (không bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương).

- Cấp huyện: Tiếp tục kế thừa định mức phân bổ theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND. Dự kiến định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin như sau:

+ Định mức phân bổ cho cấp huyện, theo loại huyện:

Đơn vị tính: Đồng/huyện/năm.

Loại huyện	Định mức phân bổ năm 2017		Định mức phân bổ năm 2022		Tốc độ tăng định mức năm 2022 so với định mức năm 2017 (lần)
	Định mức	Hệ số	Định mức	Hệ số	
Loại 1	1.445.000.000	1	1.734.000.000	1	1,2
Loại 2	1.360.000.000	0,94	1.632.000.000	0,94	1,2
Loại 3	1.275.000.000	0,88	1.530.000.000	0,88	1,2

+ Định mức phân bổ cho cấp xã, theo loại xã:

Đơn vị tính: Đồng/xã/năm.

Loại xã	Định mức phân bổ năm 2017		Định mức phân bổ năm 2022		Tốc độ tăng định mức năm 2022 so với định mức năm 2017 (lần)
	Định mức	Hệ số	Định mức	Hệ số	
Loại 1	34.000.000	1	40.800.000	1	1,2
Loại 2	30.600.000	0,90	36.720.000	0,90	1,2
Loại 3	27.200.000	0,80	32.640.000	0,80	1,2

+ Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: Phân bổ kinh phí thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” theo quy định tại Thông tư số 121/2017/TT-BTC của ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

h) Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục, thể thao

- Cấp tỉnh: Phân bổ kinh phí chi sự nghiệp thể dục, thể thao cấp tỉnh, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao theo quyết định của cấp có thẩm quyền (không bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương).

- Cấp huyện: Tiếp tục kế thừa định mức phân bổ theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND. Dự kiến định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục, thể thao như sau:

+ Định mức phân bổ cho cấp huyện, theo loại huyện:

Đơn vị tính: Đồng/huyện/năm.

Loại huyện	Định mức phân bổ năm 2017		Định mức phân bổ năm 2022		Tốc độ tăng định mức năm 2022 so với định mức năm 2017 (lần)
	Định mức	Hệ số	Định mức	Hệ số	
Loại 1	935.000.000	1	1.122.000.000	1	1,2
Loại 2	850.000.000	0,91	1.020.000.000	0,91	1,2
Loại 3	765.000.000	0,82	918.000.000	0,82	1,2

+ Định mức phân bổ cho cấp xã, theo loại xã:

Đơn vị tính: Đồng/xã/năm.

Loại xã	Định mức phân bổ năm 2017		Định mức phân bổ năm 2022		Tốc độ tăng định mức năm 2022 so với định mức năm 2017 (lần)
	Định mức	Hệ số	Định mức	Hệ số	
Loại 1	27.200.000	1	32.640.000	1	1,2
Loại 2	23.800.000	0,88	28.560.000	0,88	1,2
Loại 3	20.400.000	0,75	24.480.000	0,75	1,2

i) Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình:

- Cấp tỉnh: Phân bổ kinh phí chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình cấp tỉnh, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao theo quyết định của cấp có thẩm quyền (không bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương).

- Cấp huyện: Tiếp tục kế thừa định mức phân bổ theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND. Dự kiến định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình như sau:

+ Định mức phân bổ cho cấp huyện, theo loại huyện:

Đơn vị tính: Đồng/huyện/năm.

Loại huyện	Định mức phân bổ năm 2017		Định mức phân bổ năm 2022		Tốc độ tăng định mức năm 2022 so với định mức năm 2017 (lần)
	Định mức	Hệ số	Định mức	Hệ số	
Loại 1	1.020.000.000	1	1.224.000.000	1	1,2
Loại 2	935.000.000	0,92	1.122.000.000	0,92	1,2
Loại 3	850.000.000	0,83	1.020.000.000	0,83	1,2

+ Định mức phân bổ cho cấp xã, theo loại xã:

Đơn vị tính: Đồng/xã/năm.

Loại xã	Định mức phân bổ năm 2017		Định mức phân bổ năm 2022		Tốc độ tăng định mức năm 2022 so với định mức năm 2017 (lần)
	Định mức	Tỷ lệ	Định mức	Tỷ lệ	
Loại 1	42.500.000	1	51.000.000	1	1,2
Loại 2	40.800.000	0,96	48.960.000	0,96	1,2
Loại 3	39.100.000	0,92	46.920.000	0,92	1,2

+ Định mức trên chưa bao gồm nguồn thu từ quảng cáo phát thanh, truyền hình.

k) Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội

- Cấp tỉnh: Phân bổ kinh phí chi đảm bảo xã hội cấp tỉnh, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao theo quyết định của cấp có thẩm quyền (không bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương).

- Cấp huyện: Tiếp tục kế thừa định mức phân bổ theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND. Dự kiến định mức phân bổ chi chi đảm bảo xã hội như sau:

+ Định mức phân bổ cho cấp huyện, theo loại huyện:

Đơn vị tính: Đồng/huyện/năm.

Loại huyện	Định mức phân bổ năm 2017		Định mức phân bổ năm 2022		Tốc độ tăng định mức năm 2022 so với định mức năm 2017 (lần)
	Định mức	Hệ số	Định mức	Hệ số	
Loại 1	1.020.000.000	1	1.428.000.000	1	1,4
Loại 2	935.000.000	0,92	1.309.000.000	0,92	1,4
Loại 3	850.000.000	0,83	1.190.000.000	0,83	1,4

+ Định mức phân bổ cho cấp xã, theo loại xã:

Đơn vị tính: Đồng/xã/năm.

Loại xã	Định mức phân bổ năm 2017		Định mức phân bổ năm 2022		Tốc độ tăng định mức năm 2022 so với định mức năm 2017 (lần)
	Định mức	Hệ số	Định mức	Hệ số	
Loại 1	110.500.000	1	221.000.000	1	2,0
Loại 2	102.000.000	0,92	204.000.000	0,92	2,0
Loại 3	93.500.000	0,85	187.000.000	0,85	2,0

- Phân bổ theo tiêu chí bổ sung như sau:

+ Chính sách trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội; các chính sách có liên quan đối với người có công với cách mạng, cựu chiến binh, thanh niên xung phong theo quy định của pháp luật;

+ Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo quy định của pháp luật;

l) *Định mức phân bổ chi quản lý hành chính*

- Phân bổ chi quản lý hành chính, Đoàn thể cấp tỉnh

+ Định mức phân bổ đảm bảo tiền lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao (kể cả hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế), bao gồm: Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương;

+ Trên cơ sở kế thừa Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND, định mức phân bổ chi hoạt động theo biên chế được giao, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng.

Biên chế	Định mức phân bổ năm 2017		Định mức phân bổ năm 2022		Tốc độ tăng định mức năm 2022 so với định mức năm 2017 (lần)
	Định mức (tính trên mỗi đầu biên chế/năm)	Hệ số	Định mức (tính trên mỗi đầu biên chế/năm)	Hệ số	

Từ biên chế thứ 01 đến 25	32.000.000	1	37.760.000	1	1,18
Từ biên chế thứ 26 đến 50	30.000.000	0,94	35.400.000	0,94	1,18
Từ biên chế thứ 51 trở lên	28.000.000	0,88	33.040.000	0,88	1,18

+ Trường hợp áp dụng định mức nêu trên mà kinh phí hoạt động thấp hơn 25% so với tổng chi thì được bổ sung đủ 25%; đảm bảo quỹ tiền lương, tiền công và các khoản trích theo lương, tiền công tối đa bằng 75% tổng chi.

+ Định mức phân bổ đối với hợp đồng theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ: 95.000.000 đồng/định suất/năm.

+ Các đơn vị thuộc tòa nhà Ủy ban nhân dân tỉnh, định mức phân bổ chi hoạt động theo biên chế được giao bằng 93% định mức giao theo chỉ tiêu biên chế hành chính.

+ Hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với Hội Văn học - Nghệ thuật, Hội Nhà báo, Hội Đông y, Hội Chữ thập đỏ, Liên Minh hợp tác xã, Liên hiệp Hội Khoa học - Kỹ thuật, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị, mức hỗ trợ bằng 95% so với với định mức chi quản lý hành chính theo biên chế.

+ Chi hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp theo quy định của cấp có thẩm quyền.

- Phân bổ chi của đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh:

+ Đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên (trừ sự nghiệp giáo dục; đào tạo và dạy nghề và sự nghiệp y tế):

+ Định mức phân bổ đảm bảo tiền lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm: Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương;

+ Định mức phân bổ chi hoạt động theo biên chế được giao, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng.

Biên chế	Định mức phân bổ năm 2017		Định mức phân bổ năm 2022		Tốc độ tăng định mức năm 2022 so với định mức năm 2017 (lần)
	Định mức (tính trên mỗi đầu biên chế/năm)	Hệ số	Định mức (tính trên mỗi đầu biên chế/năm)	Hệ số	
Từ biên chế thứ 01 đến 25	26.000.000	1	30.680.000	1	1,18
Từ biên chế thứ 26 đến 50	24.000.000	0,92	28.320.000	0,94	1,18
Từ biên chế thứ 51 trở lên	22.000.000	0,85	25.960.000	0,88	1,18

+ Định mức phân bổ đối với Hợp đồng theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP (bao gồm tiền công, các khoản trích theo tiền công và kinh phí hoạt động) định mức phân bổ theo biên chế được giao: 90.000.000 đồng/định suất/năm. Riêng đối với Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần: 115.000.000 đồng/định suất/năm; Trung tâm Dịch vụ tài chính công: 130.000.000 đồng/định suất/năm.

+ Đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, căn cứ vào khả năng thu của đơn vị, NSNN phân bổ theo tỷ lệ phần trăm phần chưa tự chủ được.

+ Ngoài ra bố trí kinh phí cho một số nhiệm vụ không thường xuyên, nhiệm vụ chính trị của Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

+ Định mức phân bổ chi hoạt động để thực hiện các nhiệm vụ chi: khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc, công tác phí, hội nghị, tổng kết; đoàn ra, đoàn vào; vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng; vận hành trụ sở cơ quan; chi hỗ trợ hoạt động cho công tác Đảng, đoàn thể trong cơ quan; bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa thường xuyên; mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định; chi thực hiện các nhiệm vụ phát sinh thường xuyên khác.

- Chi quản lý hành chính, Đoàn thể cấp huyện:

Tiếp tục kế thừa định mức phân bổ theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND và ý những ý kiến về định mức chi quản lý hành chính. Dự kiến định mức phân bổ chi quản lý hành chính như sau:

+ Trên cơ sở kế thừa Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND, định mức phân bổ chi quản lý hành chính cho cấp huyện bao gồm: Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương; kinh phí hoạt động thường xuyên của đơn vị; cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng.

Định mức phân bổ năm 2017		Định mức phân bổ năm 2022		Tốc độ tăng định mức năm 2022 so với định mức năm 2017 (lần)
Định mức (tính trên mỗi đầu biên chế/năm)	Hệ số	Định mức (tính trên mỗi đầu biên chế/năm)	Hệ số	
110.000.000	1	159.000.000	1	1,45

+ Định mức phân bổ hợp đồng lao động theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP được khoán định mức bao gồm tiền công, các khoản trích theo tiền công và hoạt động theo vùng quy định tại Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ, như sau:

Địa bàn thuộc vùng II khoán với định mức 85.000.000 đồng/định suất/năm;

Địa bàn thuộc vùng III khoán với định mức 80.000.000 đồng/định suất/năm;

Địa bàn thuộc vùng IV khoán với định mức 75.000.000 đồng/định suất/năm.

+ Chi hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của cấp có thẩm quyền.

- Phân bổ theo tiêu chí bổ sung: Trên cơ sở kế thừa Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND. Tuy nhiên, bên cạnh tiêu chí loại huyện (theo quy mô dân số) thì định mức năm 2022 có điểm mới là quan tâm xem xét đến sự ảnh hưởng của yếu tố địa giới hành chính đến chi quản lý hành chính, cụ thể như sau:

+ Tiêu chí bổ sung kinh phí quản lý hành chính cấp huyện theo loại huyện như sau:

Huyện loại 1 được phân bổ tăng thêm 10% trên tổng kinh phí quản lý hành chính cấp huyện;

Huyện loại 2 được phân bổ tăng thêm 9% trên tổng kinh phí quản lý hành chính cấp huyện;

Huyện loại 3 được phân bổ tăng thêm 8% trên tổng kinh phí quản lý hành chính cấp huyện.

+ Tiêu chí bổ sung kinh phí quản lý hành chính cấp huyện được tính theo diện tích như sau:

Huyện có diện tích từ 700 km² trở lên được phân bổ tăng 10% trên tổng kinh phí quản lý hành chính cấp huyện;

Huyện có diện tích từ 500 km² đến 699 km² được phân bổ tăng 9% trên tổng kinh phí quản lý hành chính cấp huyện;

Huyện có diện tích dưới 500 km² được phân bổ tăng 8% trên tổng kinh phí quản lý hành chính cấp huyện.

(Diện tích địa giới hành chính huyện được tính theo số liệu công bố tại niên giám thống kê hàng năm do Cục Thống kê công bố).

Tiêu chí bổ sung để thực hiện các nhiệm vụ chi sau đây: Chi mua sắm tài sản, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động; chi theo nhiệm vụ chi của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các chế độ đặc thù của Hội đồng nhân dân huyện, nhiệm vụ chính trị của cấp huyện và các nhiệm vụ chi khác theo quy định.

- Định mức phân bổ chi quản lý hành chính cho ngân sách cấp xã:

Đơn vị tính: Đồng/biên chế/năm.

Biên chế	Định mức phân bổ năm 2017		Định mức phân bổ năm 2022		Tốc độ tăng định mức năm 2022 so với định mức năm 2017 (lần)
	Định mức	Hệ số	Định mức	Hệ số	
- Xã, thị trấn trên địa bàn huyện					
+ Công chức xã	81.000.000	1	110.000.000	1	1,36
+ Cán bộ chuyên trách	81.000.000	1	110.000.000	1	1,36
+ Cán bộ không chuyên trách	35.000.000	0,43	37.000.000	0,34	1,06

+ Phân bổ theo tiêu chí bổ sung như sau:

Phân bổ thêm 15% kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ chi sau đây: Chi mua sắm tài sản, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động; các chế độ đặc thù của Hội đồng nhân dân xã, tổ chức cơ sở Đảng, nhiệm vụ chính trị của cấp xã và các nhiệm vụ khác theo quy định.

Các xã đảo, thị trấn đảo, xã khu vực III được cấp thâm quyền công nhận phân bổ thêm 1.200.000.000 đồng/xã, thị trấn/năm.

Phân bổ tạo nguồn hoạt động cho xã, phường, thị trấn theo loại xã: Xã loại 1 phân bổ 400.000.000 đồng/xã/năm; xã loại 2 phân bổ 350.000.000 đồng/xã/năm; xã loại 3 phân bổ 300.000.000 đồng/xã/năm; xã bãi ngang ven biển được phân bổ tạo nguồn hoạt động 450.000.000 đồng/xã/năm. Trong trường hợp xã, phường, thị trấn đạt từ 02 tiêu chí trở lên thì chỉ được phân bổ theo tiêu chí có định mức cao nhất.

Chi hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của cấp có thẩm quyền.

+ Đối với ấp, khóm: Khoản kinh phí hoạt động 3.000.000 đồng/ấp, khóm/tháng. Riêng mức phụ cấp cho cán bộ ấp, khóm được thực hiện theo Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 6/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng, chức danh và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ấp, khóm trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

m) Định mức phân bổ chi quốc phòng

- Cấp tỉnh: Định mức phân bổ tạo nguồn cho cấp tỉnh, theo tiêu chí dân số: 32.400 đồng/người dân/năm (tăng 1,8 lần so với thời kỳ trước).

- Cấp huyện: Tiếp tục kế thừa định mức phân bổ theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND và những ý kiến về định mức chi quốc phòng. Dự kiến định mức phân bổ chi quốc phòng như sau:

+ Định mức phân bổ cho cấp huyện, theo loại huyện:

Đơn vị tính: Đồng/huyện/năm.

Loại huyện	Định mức phân bổ năm 2017		Định mức phân bổ năm 2022		Tốc độ tăng định mức năm 2022 so với định mức năm 2017 (lần)
	Định mức	Hệ số	Định mức	Hệ số	
Loại 1	1.275.000.000	1	1.530.000.000	1	1,2
Loại 2	1.147.500.000	0,90	1.377.000.000	0,90	1,2
Loại 3	1.020.000.000	0,80	1.224.000.000	0,80	1,2

+ Tiêu chí bổ sung cho nhiệm vụ huấn luyện theo chỉ tiêu dân số: 30.000 đồng/người dân/năm.

+ Hỗ trợ kinh phí huấn luyện khung B theo loại huyện

Huyện loại 1: 500.000.000 đồng/năm;

Huyện loại 2: 450.000.000 đồng/năm;

Huyện loại 3: 400.000.000 đồng/năm.

+ Định mức phân bổ cho cấp xã theo loại xã, theo dân số:

Đơn vị tính: Đồng/người/năm.

Dân số	Định mức phân bổ năm 2017		Định mức phân bổ năm 2022		Tốc độ tăng định mức năm 2022 so với định mức năm 2017 (lần)
	Định mức	Hệ số	Định mức	Hệ số	
Xã có dân số trên 16.000 người	183.000.000	1	219.600.000	1	1,2
Xã có dân số từ 10.000 đến dưới 16.000 người	162.000.000	0,89	194.400.000	0,89	1,2
Xã có dân số dưới 10.000 người	136.000.000	0,74	163.200.000	0,74	1,2

- Đối với xã đảo, thị trấn đảo được bổ sung thêm 1.500.000.000 đồng/xã/năm.

- Đối với xã bãi ngang ven biển được bổ sung thêm 500.000.000 đồng/xã/năm.

- Phân bổ theo tiêu chí bổ sung: Phụ cấp cho lực lượng dân quân thường trực theo quy định của cấp có thẩm quyền.

n) Định mức phân bổ chi an ninh

- Cấp tỉnh: Định mức phân bổ tạo nguồn cho cấp tỉnh, theo tiêu chí dân số: 8.540 đồng/người dân/năm (tăng 1,4 lần so với thời kỳ trước).

- Cấp huyện: Tiếp tục kế thừa định mức phân bổ theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND và ý những ý kiến về định mức chi an ninh. Dự kiến định mức phân bổ chi an ninh như sau:

+ Định mức phân bổ cho cấp huyện, theo loại huyện:

Đơn vị tính: Đồng/huyện/năm.

Loại huyện	Định mức phân bổ năm 2017		Định mức phân bổ năm 2022		Tốc độ tăng định mức năm 2022 so với định mức năm 2017 (lần)
	Định mức	Hệ số	Định mức	Hệ số	
Loại 1	850.000.000	1	1.275.000.000	1	1,5
Loại 2	765.000.000	0,9	1.147.500.000	0,9	1,5
Loại 3	680.000.000	0,8	1.020.000.000	0,8	1,5

+ Định mức phân bổ cho cấp xã, theo loại xã:

Đơn vị tính: Đồng/xã/năm.

Loại huyện	Định mức phân bổ năm 2017		Định mức phân bổ năm 2022		Tốc độ tăng định mức năm 2022 so với định mức năm 2017 (lần)
	Định mức	Hệ số	Định mức	Hệ số	
Loại 1	68.000.000	1	102.000.000	1	1,5
Loại 2	59.500.000	0,88	89.250.000	0,88	1,5
Loại 3	51.000.000	0,75	76.500.000	0,75	1,5

+ Đối với xã đảo, thị trấn đảo được bổ sung thêm 1.500.000.000 đồng/xã/năm;

+ Đối với xã bãi ngang ven biển được bổ sung thêm 500.000.000 đồng/xã/năm.

Định mức trên chưa kể nguồn thu từ quỹ an ninh, trật tự.

o) Định mức phân bổ chi khác ngân sách

Chi khác ngân sách được phân bổ bằng bằng 1% chi thường xuyên cho 3 cấp ngân sách (tỉnh, huyện, xã), bằng Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND.

p) Định mức phân bổ dự phòng ngân sách

Phân bổ dự phòng theo quy định Luật NSNN.

2. Phương pháp xác định một số tiêu chí, căn cứ của định mức phân bổ chi NSNN

a) Dân số căn cứ vào số liệu năm 2020 và tỷ lệ tăng dân số tự nhiên để tính năm 2022:

- Dân số đô thị là dân số của các phường và thị trấn.

- Dân số xã khu vực III, khu vực II, khu vực I theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

- Dân số vùng nông thôn là dân số của các xã còn lại.

- Diện tích địa giới hành chính cấp huyện được tính theo số liệu do Cục Thống kê công bố tại Niên giám thống kê.

b) Biên chế theo số lượng được HĐND và UBND tỉnh quyết định năm 2021 (bao gồm cả hợp đồng theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ).

c) Tiêu chí học sinh theo số liệu thực tế đến thời điểm tháng 10 của năm trước năm dự toán.

d) Tiêu chí giường bệnh theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh tính đến thời điểm tháng 10 của năm trước năm dự toán.

đ) Phân loại huyện, thành phố (gọi tắt là huyện) thành 3 nhóm (gọi là loại), căn cứ vào dân số:

- Huyện loại 1 có dân số từ 150.000 người trở lên;
- Huyện loại 2 có dân số từ 100.000 người đến dưới 150.000 người;
- Huyện loại 3 có dân số dưới 100.000 người.

e) Tiêu chí phân loại xã, phường, thị trấn theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Riêng đối với định mức quốc phòng tại khoản 3, Điều 15 tính theo quy mô dân số, gồm các loại sau:

- Xã loại 1 có dân số từ 16.000 người trở lên;
- Xã loại 2 có dân số từ 10.000 người đến dưới 16.000 người;
- Xã loại 3 có dân số dưới 10.000 người.

Trên đây là báo cáo đánh giá định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2017 và xây dựng định mức chi thường xuyên NSNN năm 2022, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025. Báo cáo này thay thế Báo cáo số 330/BC-UBND ngày 18/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh (iOffice);
- UBND các huyện, thành phố (iOffice);
- Lưu: VT, KT (Đ11.18) (01b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Văn Bi